

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM**  
**MST: 0312660770**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ 4 NĂM 2019**

CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM  
Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, Quận Phú Nhuận, TP.HCM  
MST: 0312660770

## MỤC LỤC

	Trang
□ Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2019 .....	1 - 3
□ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 31/12/2019 .....	4
□ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 31/12/2019 .....	5
□ Thuyết minh báo cáo tài chính 31/12/2019 .....	6 - 14



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2019
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>74,436,548,140</b>	<b>69,320,699,502</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>(1)</b>	<b>1,394,169,792</b>	<b>122,272,140</b>
1. Tiền	111		1,394,169,792	122,272,140
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>(2)</b>	<b>61,500,000,000</b>	<b>56,900,000,000</b>
1. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		61,500,000,000	56,900,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>(3)</b>	<b>10,400,117,753</b>	<b>11,308,175,024</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		-	90,015,000
3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		5,941,648,981	6,528,595,550
4. Phải thu ngắn hạn khác	135		4,458,468,772	4,689,564,474
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,142,260,595</b>	<b>990,252,338</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	<b>(4)</b>	1,142,260,595	990,252,338
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>17,912,050,981</b>	<b>7,725,554,451</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5,000,000</b>	<b>606,500,000</b>
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	218	<b>(5)</b>	5,000,000	606,500,000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>(7)</b>	<b>2,965,987,132</b>	<b>2,905,182,553</b>
1. TSCĐ hữu hình	221		1,425,680,552	578,718,593
- Nguyên giá	222		2,259,752,000	1,118,777,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(834,071,448)	(540,058,407)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		1,540,306,580	2,326,463,960
- Nguyên giá	228		4,558,108,148	4,501,858,148
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,017,801,568)	(2,175,394,188)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3,801,688,432</b>	<b>3,330,015,737</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3,801,688,432	3,330,015,737
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10,200,000,000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		10,200,000,000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>939,375,417</b>	<b>883,856,161</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>(6)</b>	755,200,252	651,195,348
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		184,175,165	232,660,813
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>92,348,599,121</b>	<b>77,046,253,953</b>



**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2019
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7,267,890,282</b>	<b>6,743,439,184</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6,687,890,282</b>	<b>6,308,439,184</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	(8)	-	647,766,842
2. Người mua trả tiền trước	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(9)	1,302,686,748	1,445,406,896
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(10)	5,068,369,992	4,018,016,064
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	(11)	316,833,542	197,249,382
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>580,000,000</b>	<b>435,000,000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
3. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359	(12)	580,000,000	435,000,000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>(13)</b>	<b>85,080,708,839</b>	<b>70,302,814,769</b>
<b>I. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>410</b>		<b>85,080,708,839</b>	<b>70,302,814,769</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25,000,000,000	25,000,000,000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		2,276,218,979	2,276,218,979
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)	419		2,276,218,979	2,276,218,979
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		55,528,270,881	40,750,376,811
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>92,348,599,121</b>	<b>77,046,253,953</b>

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

Ngày 31 tháng 12 năm 2019.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Mã số	Thuyết Minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2019
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006		-	-
Trong đó:			-	-
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		-	-
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	(14)	13,656,856,169	7,846,510,442
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		13,656,856,169	7,846,510,442
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032			
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	(17)	162,830,087,348	144,455,865,174
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		162,830,087,348	144,455,865,174
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042			
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	(15)	998,233,569	524,244,425
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	(16)	11,938,401,752	7,547,822,100

Ngày 17 tháng 01 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh



**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019.

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2019		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
Doanh thu	01		11,580,506,763	9,654,107,101	42,043,448,223	38,009,169,067
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	(18)	11,580,506,763	9,654,107,101	42,043,448,223	38,009,169,067
Doanh thu hoạt động tài chính	21	(19)	1,359,563,627	969,350,871	4,855,444,631	3,543,914,746
Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(20)	(7,785,276,142)	(6,245,879,839)	(28,083,755,723)	(22,781,607,759)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5,154,794,248	4,377,578,133	18,815,137,131	18,771,476,054
Thu nhập khác	31		4,700,000	-	4,700,002	-
Chi phí khác	32		(93,196,699)	-	(93,196,699)	-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(88,496,699)	-	(88,496,697)	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5,066,297,549	4,377,578,133	18,726,640,434	18,771,476,054
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(21.1)	(1,024,417,514)	(1,093,833,010)	(3,900,260,716)	(3,972,612,594)
Thuế TNDN hoãn lại	52		(51,157,771)	184,693,032	(48,485,648)	184,693,032
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		3,990,722,264	3,468,438,155	14,777,894,070	14,983,556,492

Ngày 17 tháng 01 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Linh

Tổng Giám Đốc



Trần Châu Danh

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Cùng kỳ năm trước</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>	<b>I</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01		18,726,640,434	15,659,662,084
<i>Điều chỉnh:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		1,136,420,421	1,035,819,296
Các khoản dự phòng	03		145,000,000	145,000,000
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4,855,321,473)	(2,746,309,944)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi của vốn lưu động			15,152,739,382	14,094,171,436
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		1,564,466,540	(1,763,520,755)
(Tăng)/giảm các khoản phải trả	11		948,919,817	895,189,252
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(5,363,161)	(219,909,698)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4,072,612,593)	(2,701,071,760)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13,588,149,985	10,304,858,475
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>	<b>II</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(2,316,664,537)	-
Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(71,700,000,000)	(49,300,000,000)
Tiền thu khi đáo hạn hợp đồng tiền gửi ngân hàng	24		56,900,000,000	36,100,000,000
Lãi tiền gửi thu được	27		4,800,412,204	2,285,287,452
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư	30		(12,316,252,333)	(10,914,712,548)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<b>III</b>			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1,271,897,652	(609,854,073)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		122,272,140	705,134,590
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1,394,169,792	95,280,517

Ngày 17 tháng 01 năm 2020

Người lập

*Handwritten signature*

Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

*Handwritten signature*

Nguyễn Thị Thùy Linh



**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019*

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Vốn trong nước

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

**3. Thông tin doanh nghiệp**

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Quỹ Dai-ichi Life Việt Nam được thành lập theo Giấy phép 53/GP-UBCK cấp ngày 10 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính : Tầng 11, 149-151 Nguyễn Văn Trỗi, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian hoạt động : 50 năm.

Chủ sở hữu : Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Dai-ichi Việt Nam.

**4. Tổng số công nhân viên**

Đến thời điểm 31/12/2019: tổng số công nhân viên là 18 người.

**II. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

1. Niên độ kế toán: năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến 31/12/2014, các năm tiếp theo bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong sổ kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Các đồng tiền khác phát sinh được ghi theo nguyên tệ và quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc tỷ giá mua bán thực tế bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

3. Sổ kế toán được ghi chép theo hệ thống kế toán Việt Nam.

Hình thức sổ sách kế toán: Nhật ký sổ cái.

4. Chế độ kế toán áp dụng theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC và điều chỉnh, bổ sung, cập nhật theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ("Quyết định 15") ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.



**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Ngoài ra, Thông tư 200 cũng đã đưa ra một số thay đổi về nguyên tắc hạch toán một số khoản mục trên báo cáo tài chính

**III. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019	01/01/2019
Tiền gửi ngân hàng	1,394,169,792 (1)	122,272,140
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1,394,169,792</u></b>	<b><u>122,272,140</u></b>

(1) Trong đó:

Tiền gửi ngân hàng Vietcombank bằng VNĐ	1,309,375,701
Tiền gửi ngân hàng BIDV bằng VNĐ	84,794,091

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2019	01/01/2019
Đầu tư ngắn hạn – tiền gửi tại các ngân hàng	61,500,000,000 (1)	56,900,000,000
<b>Cộng</b>	<b><u>61,500,000,000</u></b>	<b><u>56,900,000,000</u></b>

(1) Trong đó:

Đây là khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại Cổ phần trong nước bằng VNĐ có thời hạn gốc trên 3 tháng và thời gian đáo hạn còn lại không quá một năm với mức lãi suất từ 7.3% đến 7.5%/năm.

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Phải thu phí quản lý danh mục từ DLVN	5,839,166,602	6,528,595,550
Phải thu phí quản lý danh mục từ Quỹ CAF	102,482,379	-
Trả trước cho người bán	-	90,015,000
Phải thu ngắn hạn khác	4,458,468,772 (1)	4,689,564,474
<b>Cộng</b>	<b><u>10,400,117,753</u></b>	<b><u>11,308,175,024</u></b>

(1) Trong đó:

- Khoản ứng trước có kỳ hạn còn lại dưới 3 tháng	160,500,000
- Khoản phải thu từ ứng lương trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	400,000,000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**4. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Số dư đầu kỳ	990,252,338	876,840,410
Tăng trong kỳ	3,098,480,280	2,882,753,351
Phân bổ trong kỳ	(2,946,472,023)	(2,769,341,423)
Số dư cuối kỳ	<u>1,142,260,595</u>	<u>990,252,338</u>

**5. Các khoản phải thu dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Phải thu dài hạn khác	5,000,000	606,500,000
<b>Cộng</b>	<u>5,000,000</u>	<u>606,500,000</u>

**6. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2019	01/01/2019
Số dư đầu kỳ	651,195,348	696,612,498
Tăng trong kỳ	718,488,003	309,452,467
Phân bổ trong kỳ	(614,483,099)	(354,869,617)
Số dư cuối kỳ	<u>755,200,252</u>	<u>651,195,348</u>

**7. Tình hình tăng, giảm TSCĐ**

Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phần mềm	Tổng cộng
<b>I. NGUYÊN GIÁ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>			
1. Số dư đầu kỳ	1,118,777,000	4,501,858,148	5,620,635,148
2. Số tăng trong kỳ	1,140,975,000	56,250,000	1,197,225,000
Trong đó:			
- Mua sắm mới	1,140,975,000	56,250,000	1,197,225,000
- Kết chuyển từ XDCB dở dang (*)	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ			
Trong đó:			
- Kết chuyển vào TSCĐ			
4. Số dư cuối kỳ	2,259,752,000	4,558,108,148	6,817,860,148
<b>II. GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>			
1. Số đầu kỳ	540,058,407	2,175,394,188	2,715,452,595
2. Tăng trong kỳ	294,013,041	842,407,380	1,136,420,421
3. Giảm khác			
4. Số cuối kỳ	834,071,448	3,017,801,568	3,851,873,016
<b>III. GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
1. Số đầu kỳ	578,718,593	2,326,463,960	2,905,182,553
2. Số cuối kỳ	1,425,680,552	1,540,306,580	2,965,987,132

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**8. Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2019	01/01/2019
Số dư đầu kỳ	3,330,015,737	-
Tăng trong kỳ	481,447,695	3,330,015,737
Kết chuyển sử dụng trong kỳ	9,775,000	-
Số dư cuối kỳ	<u>3,801,688,432</u>	<u>3,330,015,737</u>

**9. Phải trả người bán**

	31/12/2019	01/01/2019
Phải trả người bán ngắn hạn	-	647,766,842
Cộng	<u>-</u>	<u>647,766,842</u>

**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu kỳ phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ phải nộp
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,372,612,595	3,900,260,715	(4,072,612,593)	1,200,260,717
Thuế thu nhập cá nhân	72,794,301	2,158,952,474	(2,129,320,744)	102,426,031
Các khoản phí, lệ phí, phí khác	-	318,488,081	(318,488,081)	-
Cộng	<u>1,445,406,896</u>	<u>6,377,701,270</u>	<u>(6,520,421,418)</u>	<u>1,302,686,748</u>

**11. Chi phí trích trước**

	31/12/2019	01/01/2019
Trích trước chi phí hoạt động	340,875,826	728,304,064
Trích trước các khoản lương, thưởng	4,727,494,166	3,289,712,000
Cộng	<u>5,068,369,992</u>	<u>4,018,016,064</u>

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**12. Các khoản phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019	01/01/2019
Các khoản phải trả khác	316,833,542	197,249,382
<b>Cộng</b>	<b>316,833,542</b>	<b>197,249,382</b>

**13. Trích quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư**

	31/12/2019	01/01/2019
Trích quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	580,000,000	435,000,000
<b>Cộng</b>	<b>580,000,000</b>	<b>435,000,000</b>

**14. Vốn chủ sở hữu**

CHỈ TIÊU	Số dư đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Góp vốn (*)	25,000,000,000	-	-	25,000,000,000
Quỹ dự phòng tài chính	2,276,218,979	-	-	2,276,218,979
Quỹ khác thuộc vốn CSH (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ)	2,276,218,979	-	-	2,276,218,979
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	40,750,376,811	14,777,894,070	-	55,528,270,881
<b>Tổng Cộng</b>	<b>70,302,814,769</b>	<b>14,777,894,070</b>	<b>-</b>	<b>85,080,708,839</b>

(\*) Theo Giấy phép đầu tư số 53/GP-UBCK, tổng số vốn đầu tư là 25,000,000,000 đồng (hai mươi lăm tỷ đồng). Vốn đầu tư do Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Dai-ichi Việt Nam đầu tư. Công ty đã góp đủ số vốn theo quy định.

**15. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

	Số đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
<b>Tiền gửi không kỳ hạn của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam</b>				
- Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng HSBC Việt Nam	7,846,510,442	211,674,328,103	205,863,982,376	13,656,856,169
<b>Tổng cộng</b>	<b>7,846,510,442</b>	<b>211,674,328,103</b>	<b>205,863,982,376</b>	<b>13,656,856,169</b>

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**16. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2019</i>
Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam		
Phải thu cổ tức	240,418,000	181,709,000
Phải thu bán cổ phiếu	757,815,569	342,535,425
<b>Tổng cộng</b>	<b>998,233,569</b>	<b>524,244,425</b>

**17. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2019</i>
Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam		
Phí phải trả cho Công ty Quản lý quỹ DFCV	5,839,166,602	6,528,595,550
Phải trả cho giao dịch mua cổ phiếu	6,099,235,150	1,019,226,550
<b>Tổng cộng</b>	<b>11,938,401,752</b>	<b>7,547,822,100</b>

**18. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>	<i>Ngày 01 tháng 01 năm 2019</i>
Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác quản lý đầu tư trong nước là Công ty TNHH BHNT Dai-ichi Việt Nam		
Cổ phiếu niêm yết	95,867,222,548	80,863,000,374
<i>Trong đó Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro</i>	46,673,591,952 (1)	53,735,996,761
Trái phiếu chính phủ	36,692,864,800	36,692,864,800
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	23,220,000,000	26,100,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Ngoại Thương VN	850,000,000	800,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Á Châu	6,200,000,000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>162,830,087,348</b>	<b>144,455,865,174</b>

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**(1) Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá/rủi ro**

*Ngày 31 tháng 12 năm 2019*

	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	2,301,657,790	2,166,000,000
Tập đoàn Bảo Việt	613,078,240	548,800,000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	2,064,407,811	1,985,500,000
CTCP Cao su Đà Nẵng	587,880,500	582,500,000
Công ty CP Tập đoàn Đất Xanh	825,912,019	768,500,000
Tổng CTCP Thiết bị điện Việt Nam	37,807,744	34,830,000
Công ty CP GEMADEPT	1,432,919,084	1,234,900,000
CTCP GTNFOODS	187,007,463	171,000,000
Công ty CP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	245,006,960	213,500,000
Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP.HCM	2,322,110,891	2,259,100,000
CTCP Tập đoàn Hoa Sen	511,364,798	492,030,000
CTCP Xi măng Hà Tiên 1	193,940,475	179,400,000
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	1,089,248,274	1,012,500,000
CTCP Tập đoàn MaSan	621,491,326	508,500,000
CTCP Điện lực Dầu khí Điện Lực 2	581,876,970	476,300,000
Công ty CP Phát triển Bất Động Sản Phát Đạt	1,328,439,675	1,310,000,000
Công ty Cổ phần Cao Su Phước Hòa	357,868	229,200
Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam	1,219,057,426	1,120,000,000
Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	228,592,375	225,750,000
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu Khí	515,271,750	504,000,000
Tổng CTCP Bia-Rượu-Nước giải khát Sài Gòn	3,287,002,076	3,192,000,000
CTCP Chứng khoán Sài Gòn	353,779,875	270,750,000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	617,563,743	572,850,000
Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	4,264,136,958	3,885,750,000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	608,800,807	568,350,000
Tổng CTCP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	546,819,000	538,000,000
Công Ty CP Vinhomes	5,446,404,503	5,257,600,000
Công ty CP Sữa Việt Nam	6,989,377,960	6,640,500,000
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4,570,905,715	4,395,080,000
Công Ty CP Vincom Retail	2,552,412,650	2,516,000,000
CTCP Container Việt Nam	528,959,226	408,750,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>46,673,591,952</b>	<b>44,038,969,200</b>

*Ngày 01 tháng 01 năm 2019*

	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu	1,880,080,064	1,716,800,000
CTCP Nhựa Bình Minh	957,201,652	841,600,000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	900,305,745	752,700,000
CTCP Dược Hậu Giang	519,108,405	395,000,000
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng	478,300,338	468,100,000
CTCP Cao su Đà Nẵng	945,554,447	838,500,000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	566,598,625	562,000,000
Công Ty Cổ Phần FPT	2,081,285,698	1,772,400,000
Tổng Công ty khí Việt Nam	5,153,983,831	4,936,200,000
Công ty CP GEMADEPT	836,085,809	810,650,000
CTCP GTNFOODS	208,612,450	195,700,000
Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP.HCM	462,216,286	454,500,000
Công Ty CP Tập Đoàn Hà Đô	484,475,625	448,500,000
Công ty CP Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai	940,583,763	896,000,000

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty CP Tập Đoàn Hòa Phát	2,050,600,717	1,949,850,000
CTCP Xi măng Hà Tiên 1	454,681,000	409,500,000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	2,292,834,996	2,063,256,000
Công ty CP Đầu tư Nam Long	189,608	154,800
CTCP Điện lực Dầu khí Điện Lực 2	1,534,648,709	1,476,000,000
Công ty CP Phát triển Bất Động Sản Phát Đạt	104,038,380	84,150,000
Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam	1,798,351,698	1,431,000,000
Công ty Cổ Phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	1,028,573,770	932,000,000
Tổng CTCP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	664,845,775	569,400,000
Tổng Công ty CP Vận tải Dầu Khí	177,856,585	157,000,000
CTCP Cơ điện lạnh	1,783,479,458	1,663,200,000
CTCP Chứng khoán Sài Gòn	450,274,400	426,400,000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1,102,730,049	1,051,600,000
Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	3,335,645,975	2,714,250,000
Công Ty CP VICOSTONE	1,151,859,858	845,000,000
Công Ty CP Vinhomes	8,553,561,292	7,376,700,000
CTCP Hàng không VietJet	1,582,158,455	1,476,000,000
Công ty CP Sữa Việt Nam	6,244,405,312	6,240,000,000
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1,613,652,541	1,476,379,800
Công Ty CP Vincom Retail	1,397,215,446	1,198,305,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>53,735,996,762</b>	<b>48,628,795,600</b>

**19. Doanh thu hoạt động kinh doanh**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	40,836,219,049	38,009,169,067
Doanh thu hoạt động quản lý quỹ ĐTKK	1,207,229,174	-
<b>Cộng</b>	<b>42,043,448,223</b>	<b>38,009,169,067</b>

**20. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Lãi tiền gửi	4,855,321,473	3,543,914,746
<b>Cộng</b>	<b>4,855,321,473</b>	<b>3,543,914,746</b>

**21. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Lương và các chi phí theo lương	17,973,247,351	13,990,289,840
Công cụ dụng cụ & văn phòng phẩm	2,965,964,477	2,777,473,974
Chi phí công tác	669,238,682	573,851,179
Thuế và phí khác	48,524,000	25,000,000
Chi phí dịch vụ mua, thuê ngoài	5,041,204,632	4,115,281,903
Chi phí khác	104,156,160	86,505,160
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,136,420,421	1,068,205,703
Trích quỹ bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	145,000,000	145,000,000
<b>Cộng</b>	<b>28,083,755,723</b>	<b>22,781,607,759</b>

**CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ QUỸ DAI-ICHI LIFE VIỆT NAM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho thời kỳ từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**22. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Mức thuế suất Thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật thuế và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**21.1 Chi phí thuế TNDN**

	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2018
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3,900,260,716	3,972,612,594

Người lập

Nguyễn Thị Thùy Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy Linh

Ngày 17 tháng 01 năm 2020

